TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 203/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu:

1. Ông Phạm Đức K, sinh năm 1945

HKTT: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà A, tổ B, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1947

HKTT: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà A, tổ B, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Phạm Đức K và bà Phạm Thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/1970 tại Ủy ban hành chính thị xã T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình) là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa ông bà đã xảy ra mâu thuẫn do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng trong tính cách, quan điểm sống. Đến thời điểm hiện tại, cả ông K và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông K và bà N là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Đức K và bà Phạm Thị N có 03 con chung là: chị Phạm Thị N1, sinh năm 1971; anh Phạm Minh T, sinh năm 1974 (đã chết năm 1996) và chị Phạm Thị H, sinh năm 1978. Do anh T đã chết, còn chị N1, chị H đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Đức K và bà Phạm Thị N không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Đức K và bà Phạm Thị N là người cao tuổi nên được miễn nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đức K và bà Phạm Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 195 ngày 10/11/1970 của Ủy ban Hành chính thị xã T *(nay là* Ủy ban nhân dân thành phố T*) không còn giá trị.*

1.2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Đức K và bà Phạm Thị N được miễn lệ phí giải quyết việc ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phượng